



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 23 (05/06-09/06/23)

Dòng tiền tăng trưởng, cơ hội trading rõ rệt

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Dòng tiền tăng trưởng, cơ hội trading rõ rệt*

2. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ: *SBV bơm ròng*

3. PTKT VN-INDEX: *Vượt SMA200, VN-Index tiếp tục đà tăng trước áp lực chốt lãi ngắn hạn*

4. TIN VĨ MÔ: *Việt Nam: PMI tháng 5 giảm xuống 45.3 điểm*

5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Hóa chất +7.54%*

6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: *Dòng tiền tăng trưởng, cơ hội trading rõ rệt*

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1090.84	2.55%
GTGD/phiên (tỷ VND)	13,791.19	27.91%
Khối ngoại (tỷ VND)	-1184.78	
HNX-INDEX	226.03	3.85%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1788.47	26.08%
Khối ngoại (tỷ VND)	7.58	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4282.37	1.45%	3.16%	5.45%
EU (EURO STOXX)	4323.52	1.55%	-0.32%	-0.39%
China (SHCOMP)	3230.07	0.79%	0.55%	-3.13%
Japan (NIKKEI)	31524.22	1.21%	1.97%	8.12%
Korea (KOSPI)	2601.36	1.25%	1.83%	4.00%
Singapore (STI)	3166.30	0.24%	-1.29%	-3.15%
Thailand (SET)	1531.20	0.64%	0.02%	-0.14%
Phillipines (PCOMP)	6512.01	1.27%	-0.28%	-2.60%
Malaysia (KLIC)	1381.26	-0.13%	-1.55%	-3.48%
Indonesia (JCI)	6633.26	-0.05%	-1.67%	-3.35%
Vietnam (VNIndex)	1090.84	1.15%	2.55%	4.86%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2312	1069.90	-1.57%	16,339	49,029
VN30F2305	0.00	-100.00%	44	1,098
VN30F2306	1078.80	-0.75%	7	259
VN30F2309	1071.10	-1.46%	7	181

TTCK VIỆT NAM

Vận động ngành tích cực, độ rộng tăng điểm cải thiện

Sau 2 tuần giao dịch giằng co quanh 1,065 điểm, VN-Index có tuần tăng mạnh 2.5% với thanh khoản tăng trưởng. Độ rộng tăng điểm tốt với 80% cổ phiếu và 16/19 ngành tăng điểm. Các dòng cổ phiếu chưa hoặc tăng chậm hơn thị trường như Hóa chất, Vật liệu xây dựng và Bán lẻ tăng mạnh từ 4% -7%. Truyền thông, Tiện ích và bảo hiểm là 3 ngành giảm duy nhất trong tuần. Xu hướng chốt lãi tại các dòng cổ phiếu nóng rõ rệt khi dòng tiền dịch chuyển sang các cổ phiếu lớn trong phiên giao dịch cuối tuần. Khối ngoại tiếp tục bán ròng 47 triệu USD là điểm trừ của thị trường. Dù vậy dòng tiền tăng trưởng trong nước đang hấp thụ khá tốt lực bán và tiếp tục hỗ trợ đà tăng điểm trong tuần tới. NĐT có thể canh mua ở nhịp rung lắc cho hoạt động giao dịch ngắn hạn.

Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô tháng 5 công bố, theo đó chỉ số SXCN tháng 5 và 5 tháng tăng 0.1% và giảm 2%yoy; Đầu tư vốn NSNN tháng 5 và 5 tháng tăng 18% và 18.4%yoy; FDI đăng ký và thực hiện giảm lần lượt 7.3% và 0.8%yoy; Tổng thu ngân sách 5 tháng giảm 6%yoy và thặng dư 116 nghìn tỷ; Tổng mức BLHH và DV 5 tháng tăng 12.6%yoy; XK 5 tháng giảm 17.9%yoy và xuất siêu 9.8 tỷ USD; CPI bình quân 5 tháng ở mức 3.55%yoy (lạm phát cơ bản tăng 4.8%); USD giảm 0.1% tháng trước và giảm 2.3% so tháng 12/2022. Kinh tế vĩ mô giữ ổn định tuy nhiên động lực tăng trưởng từ sản xuất, xuất khẩu chưa có dấu hiệu cải thiện. Chỉ số PMI giảm 3 tháng liên tiếp từ 46.7 xuống 45.3. Cùng với đó số DN mở mới giảm và số rút lui khỏi thị trường tăng vẫn phản ánh khó khăn của nền kinh tế.

TTCK THẾ GIỚI

Nút thắt trần nợ Hoa Kỳ cởi bỏ, TTCK Hoa Kỳ tăng điểm

Hạ viện Hoa Kỳ thông qua trần nợ công đã hỗ trợ TTCK Hoa Kỳ tăng điểm. S&P500 và Nasdaq tăng cao nhất kể từ tháng 8/2022. Các chỉ số CK Hoa Kỳ trong tuần tăng bình quân 0.7% bất chấp lo ngại về khả năng FED có thể tăng tiếp lãi suất trong tháng 6. Hồi phục cuối tuần, TTCK Châu Âu vẫn ghi nhận tuần giảm. Chỉ số EU600 giảm 0.8% với mức giảm của các thị trường chủ chốt như Pháp, Đức, Anh. TTCK Châu Á hồi phục với sự dẫn dắt của TT Nhật Bản. Chỉ số JP225 đã tăng 2% qua đó ghi nhận mức tăng 13.6%yoy. Chỉ số DXY giảm 0.6% trước đà phục hồi của kim loại quý. Chỉ số hàng hóa giảm -0.3%, mức giảm chủ yếu đến từ giá than, khí đốt và dầu thô. Nỗi lo trần nợ Hoa Kỳ được gỡ bỏ thì NĐT sẽ bám sát các dữ liệu kinh tế để dự đoán hành động của FED trong kỳ họp tháng 6.

Lạm phát vẫn duy trì ở mức cao và gây cản trở cho quá trình bình thường hóa chính sách tiền tệ. Chỉ số lạm phát giá cả tại các cửa hàng ở Anh tăng từ 8.8% lên 9% trong tháng năm, mức tăng nhanh nhất kể từ khi thống kê dữ liệu vào năm 2005. Trước đó, Thước đo lạm phát yêu thích của FED, chỉ số tiêu dùng cá nhân (PCE) tăng 0.4% và 4.4%yoy so với mức 4.2% vào tháng 3. Cùng với lạm phát sẽ duy trì ở mức cao trong tháng 4, chỉ tiêu tiêu dùng vẫn tăng 0.4%. Người tiêu dùng vẫn chi mạnh tay dù lãi suất và lạm phát cao. Thị trường quan ngại FED có thể tăng lãi suất thêm 0.25% nữa trong kỳ họp 13-14/6. Theo CME group, xác suất cho khả năng này tăng từ 28% lên 64% khi có tin và đã dần ổn định ở mức 22% hiện tại.

Chú thích: * tỷ VNĐ
^ hợp đồng

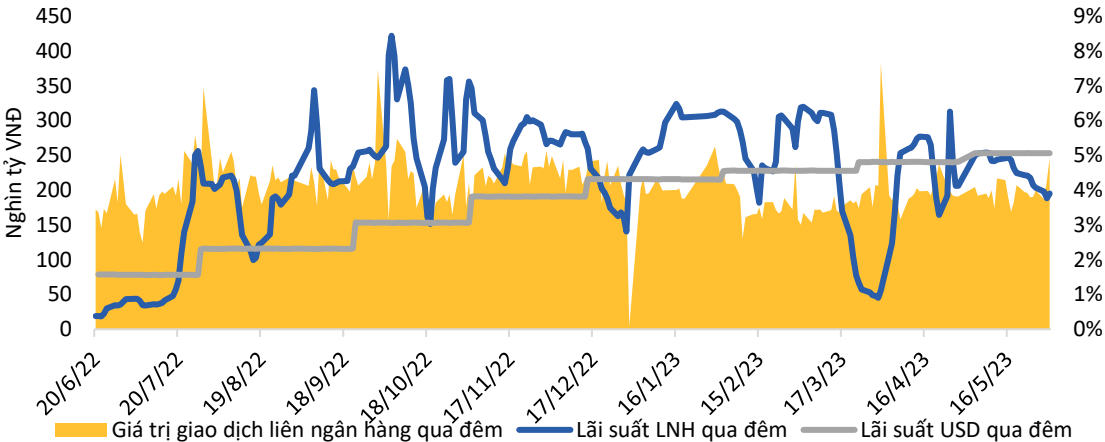
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 15	10/4/2023	14/4/2023	986.48	66,781.34	65,794.86
Tuần 16	17/4/2023	21/4/2023	29,591.92	7,285.88	-22,306.04
Tuần 17	24/4/2023	28/4/2023	6,819.29	23,920.82	17,101.53
Tuần 18	1/5/2023	5/5/2023	4,398.93	1,757.18	-2,641.75
Tuần 19	8/5/2023	12/5/2023	60,572.26	5,814.01	-54,758.25
Tuần 20	15/5/2023	19/5/2023	7,103.55	20,000.00	12,896.45
Tuần 21	22/5/2023	26/5/2023	753.48	49,547.41	48,793.93
Tuần 22	29/5/2023	1/6/2023	547.61	25,514.48	24,966.87

Nguồn: BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	3.88%	4.14%	4.25%	4.86%	6.15%	7.53%	8.81%
So với tuần trước	-0.41%	-0.25%	-0.19%	-0.01%	-0.03%	-0.37%	0.27%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	216,016.67	14,967	3,728	4,116	2,873	352	12
So với tuần trước	10.98%	-17.20%	-39.91%	-10.08%	-15.54%	-18.44%	108%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 31/05/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 22, 0 giá trị tín phiếu được phát hành. Đồng thời, SBV thực hiện mua 547.61 tỷ đồng giấy tờ có giá. Tổng kết lại, SBV đã bơm ròng 24.97 nghìn tỷ đồng.

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm: 3.88%
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 216.02 nghìn tỷ VNĐ

PTKT VN-INDEX: *Vượt SMA200, VN-Index tiếp tục đà tăng trước áp lực chốt lãi ngắn hạn*

Đồ thị ngày: Sau 3 phiên giằng co dưới SMA200, VN-Index có phiên giao dịch đột phá cuối tuần cùng với thanh khoản cải thiện. Đây là tín hiệu tích cực kể từ khi VN-Index giảm dưới SMA200 kể từ tháng 19/4/2022. Thanh khoản đang tăng trưởng tốt cho thấy dòng tiền đã tích cực tham gia lại thị trường. Các chỉ báo kỹ thuật cải thiện, RSI sắp đi vào vùng quá mua.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng mạnh từ mức 54 lên 69 điểm.
- MACD giữ trên đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản tăng 26% so tuần trước.
- VN-Index vượt trên SMA200 và duy trì trên SMA20, 50, SMA100.

Nhận định: Với những phiên vận động xác lập xu hướng, VN-Index đã thoát khỏi mô hình tích lũy systematic triangle và hướng về mức cản tại 1,125 – 1,150 điểm. Dù vậy khi các chỉ báo kỹ thuật bước vào vùng quá mua và giá vượt dải bollinger band, thị trường có thể chứng kiến các phiên rung lắc trong tuần tới trước khi ổn định và hướng tới các vùng giá cao hơn.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: Việt Nam: PMI tháng 5 giảm xuống 45.3 điểm

VIỆT NAM:

- PMI tháng 5 giảm xuống 45.3 điểm từ mức 46.7 điểm của tháng 4
- IIP T5.2023 ước tính tăng 2.2% so với tháng 4 nhưng tính chung 5 tháng đầu năm 2023, IIP ước tính giảm 2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 tăng 8.1%).
- CPI T5.2023 tăng 0.01% so với tháng trước, nên CPI bình quân tiếp tục được kéo xuống, chỉ còn tăng 3.55% so với cùng kỳ năm trước.
- Tổng kim ngạch XNK hàng hóa T5.2023 ước đạt 55,86 tỷ USD, tăng 5.3%MoM và giảm 12,3% svck năm trước. Tính chung 5T.2023, tổng kim ngạch XNK ước đạt 262.54 tỷ USD, giảm 14.7% svck năm trước.
- Chính phủ: đã trình Quốc hội chuyển nguồn của gói hỗ trợ lãi suất 2%, khoảng 24.000 tỷ đồng cho giảm thuế giá trị gia tăng (VAT) vì nhiều vướng mắc, khó triển khai.
- Bộ Tài chính: Quỹ Vaccine Covid-19 thu được 10.791 tỷ đồng từ tổng số 693.476 lượt ủng hộ. Trong đó, Quỹ đã chi mua vaccine 7.672 tỷ đồng, hiện nay còn dư 3.118,9 tỷ đồng.
- NHNN: nêu 4 định hướng điều hành chính sách tiền tệ, trong bối cảnh mặt bằng lãi suất dần ổn định, lãi suất phát sinh mới có xu hướng giảm dần.
- Theo IMF: tính đến tháng 6/2022, có 18.32% doanh nghiệp Việt Nam có hệ số khả năng thanh toán lãi vay (ICR) dưới 1, mức báo hiệu nguy cơ vỡ nợ.
- Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - PMI ngành Sản xuất Việt Nam của S&P Global đã giảm xuống 45.3 trong tháng 5 so với 46.7 trong tháng 4, đây là lần suy giảm tháng thứ ba liên tiếp của các điều kiện kinh doanh.
- Thống đốc NHNN chỉ rõ 3 nguyên nhân khiến tăng trưởng tín dụng thấp: nhóm doanh nghiệp XK hiện nay không có đầu ra, không có đơn hàng; nhiều doanh nghiệp SME gặp khó khăn sau đại dịch Covid-19 nên không đủ điều kiện vay vốn; tín dụng BĐS tăng chậm, mặc dù vẫn là lĩnh vực có mức tăng trưởng tín dụng cao nhất.
- Bộ Tài chính: đã có Tờ trình số 97/TTr-BTC gửi Thường trực Chính phủ về đề xuất mức thu lệ phí trước bạ (LPTB) đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước. Trong đó, Bộ Tài chính tiếp tục đề nghị chưa thực hiện giảm 50% mức thu LPTB đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước như đã báo cáo trước đó.
- EVN: tính đến 17h30 ngày 31/5, có 46 dự án điện tái tạo chuyển tiếp (nhờ giá FIT) đã hoàn thành đàm phán giá và ký tắt hợp đồng mua bán điện, trong đó có 7 dự án/phần dự án với tổng công suất 430,22MW chính thức được phát điện lên lưới.

THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: Phố Wall dần dần nghiêng về kịch bản Cục Dự trữ Liên bang nâng lãi suất trong tháng 6/2023. Không chỉ vậy, họ còn tin Fed nhiều khả năng không giảm lãi suất trong năm nay.
- Hoa Kỳ: dự trữ tiền mặt của Kho bạc vẫn đang bị thu hẹp, giảm xuống còn 37,4 tỷ USD tính đến ngày 30/5, mức thấp nhất kể từ năm 201. Bộ Tài chính có kế hoạch bán 25 tỷ USD trái phiếu quản lý tiền mặt trong ba ngày vào thứ 5, tìm kiếm cơ hội để điều động khi trần nợ sụp đổ.
- Hoa Kỳ: ISM công bố PMI Sản xuất tháng 5 đạt 46.9 điểm, thấp hơn so với 47.1 điểm trước đó.
- Hoa Kỳ: Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu ở mức 232 nghìn, thấp hơn mức 235 nghìn dự kiến. Trung bình động 4 tuần ở mức 229.5 nghìn.
- Hoa Kỳ: niềm tin của người tiêu dùng tháng 5 đạt 102.3 điểm, cao hơn mức 99 điểm dự kiến.
- Eurozone: CPI sơ bộ tháng 5 tăng 6.1% YoY. CPI lõi tăng 5.5% YoY.
- Cục Dự trữ Liên bang Barkin: Một khi lạm phát giảm xuống, nền kinh tế Hoa Kỳ có thể hỗ trợ lãi suất ở "mức trung lập, bình thường" thay vì đẩy chúng xuống mức gần bằng không.
- Giá trị thị trường của Nvidia đã phá vỡ hàng nghìn tỷ đô la và giá cổ phiếu của nó tăng vọt 180% trong năm.
- Anh: sở hữu bất động sản tại quốc gia này ngày càng trở nên đắt đỏ do chi phí vay tăng mạnh, giá thuê nhà ở nước này trong 12 tháng tính đến tháng 4/2023 đã tăng gần 5% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Thống đốc NHTW Nhật Bản: lạm phát toàn cầu gần đây cũng được thúc đẩy bởi các yếu tố nhu cầu, bao gồm tác động của các biện pháp chính sách tài khóa và tiền tệ mở rộng và nhu cầu bị dồn nén sau khi dịch bệnh lan rộng.
- Canada: GDP quý 1 +3.1%, dự kiến +2.5%.
- Đức: tỷ lệ thất nghiệp trong T5.2023 tiếp tục ổn định ở mức 5.6%. Điều này tái khẳng định thị trường lao động nhìn chung vẫn ổn định tại Đức.
- Hàn Quốc: lượng hàng tồn kho chip tăng mạnh nhất trong 7 năm, cho thấy nhu cầu chip vẫn tiếp tục yếu bất chấp sự bùng nổ phát triển trí tuệ nhân tạo toàn cầu.

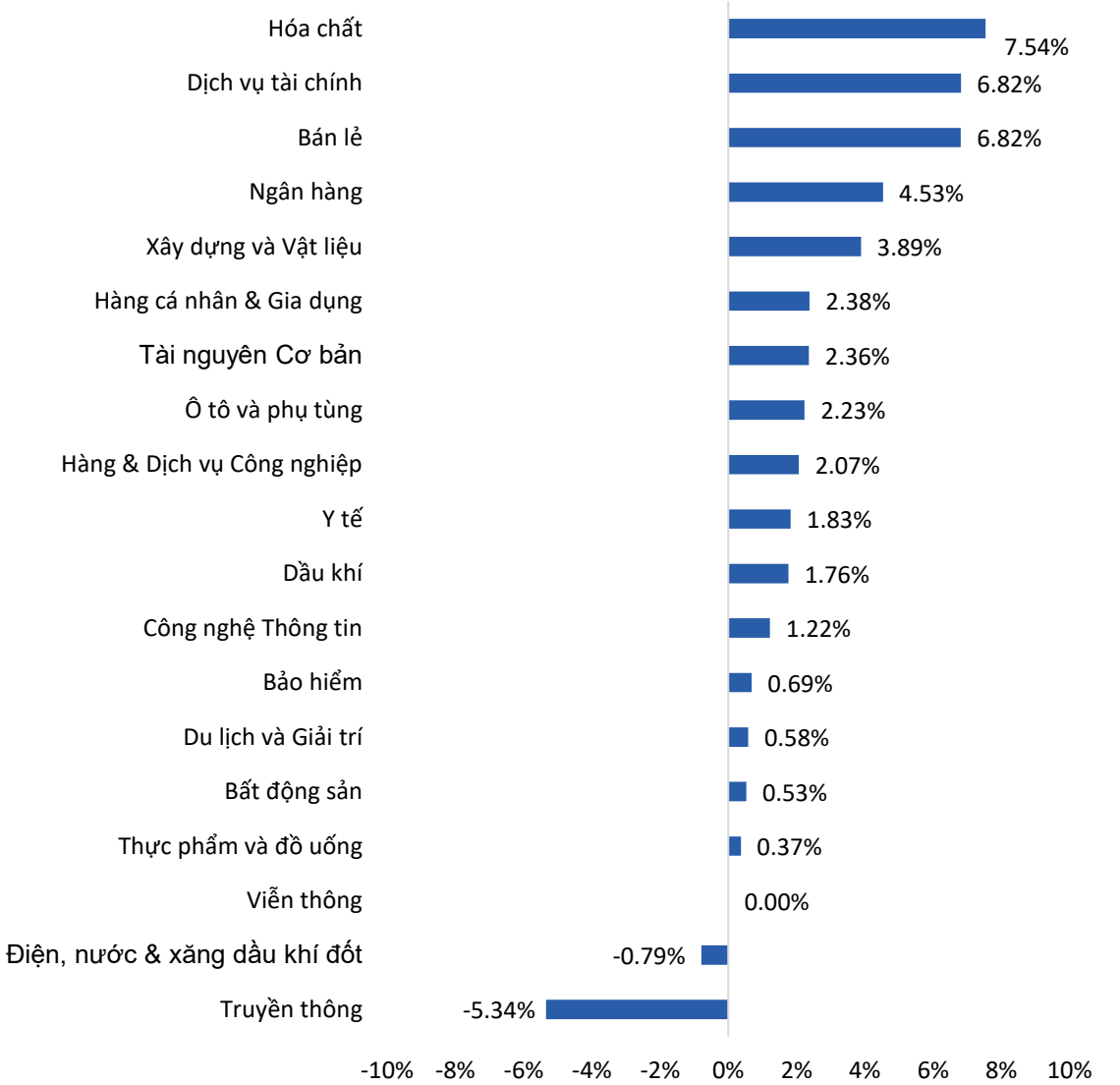
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV từ ngày 22/5 đến 23/6;
- 5/6, CPI Thụy Sĩ, PMI dịch vụ Anh, EU và Hoa Kỳ. 6/6, Lãi suất và biên bản chính sách tiền tệ Australia; Doanh thu bán lẻ EU. 7/6, GDP Australia; Cán cân thương mại Trung Quốc, Canada và Hoa Kỳ; Lãi suất và biên bản chính sách tiền tệ Canada. 8/6, GDP điều chỉnh Nhật và EU; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 6/6, CPI Trung Quốc; Tỷ lệ thất nghiệp Canada.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Hóa chất	1.03%	7.54%	13.08%	DRC	4.22%	DGC	11.93%
Dịch vụ tài chính	1.16%	6.82%	14.00%	SSI	6.87%	HCM	3.79%
Bán lẻ	3.18%	6.82%	4.71%	MWG	6.81%	PNJ	1.39%
Ngân hàng	2.39%	4.53%	4.97%	VCB	3.15%	VPB	3.66%
Xây dựng và Vật liệu	0.11%	3.89%	11.23%	CTD	-0.62%	HT1	4.88%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	71.74	2.34%	-0.13%	0.27%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	76.13	2.49%	-1.10%	5.47%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	250.07	2.65%	-2.03%	4.62%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1,947.97	-1.50%	0.08%	-4.46%		PNJ
Bạc	USD/oz.	23.61	-1.06%	1.31%	-7.71%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,352.50	1.73%	2.15%	-4.13%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	619.00	1.35%	2.44%	1.60%		AFX
Sữa	USD/cwt	15.29	-2.18%	-5.09%	-9.90%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	208.30	0.82%	0.29%	-0.19%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	24.73	-0.60%	-0.40%	-1.63%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	180.30	-1.50%	-1.31%	-3.45%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8,237.00	-0.08%	3.45%	-4.17%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	3,563.00	1.60%	2.12%	-3.26%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2,263.50	-0.83%	1.46%	-3.93%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	743.00	2.55%	4.72%	3.92%		HPG
Than đá	USD/MT	134.15	2.52%	-2.19%	-28.19%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	520.85	1.95%	2.11%	-3.69%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% tăng	Điểm số
VCB	3.15%	3.44
TCB	7.69%	2.03
GVR	9.88%	1.70
BID	3.00%	1.65
MBB	6.78%	1.42
VPB	3.66%	1.18
VIB	9.50%	1.06
TPB	11.21%	1.05
CTG	3.06%	1.02
MWG	6.81%	0.95
Tổng		15.49

Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% giảm	Điểm số
VHM	-2.91%	-1.74
GAS	-1.81%	-0.81
VNM	-1.79%	-0.63
VRE	-2.17%	-0.35
VJC	-1.33%	-0.18
PGV	-2.18%	-0.15
KDH	-1.34%	-0.07
VCF	-4.02%	-0.06
TNC	-13.36%	-0.04
BWE	-1.56%	-0.03
Tổng		-4.07

Khối ngoại mua ròng

Mã	Mua ròng	SHNN
FPT	312.47	
VIC	142.11	12.97
SSI	98.76	#N/A N/A
KBC	65.34	18.47
BID	50.45	17.23
FRT	49.80	30.36
VCB	47.52	
DGW	40.25	22.75
VND	34.92	20.94
VCI	27.76	24.28
Tổng	869.38	

Khối ngoại bán ròng

Mã	Mua ròng	SHNN
EIB	-832.73	6.51
VNM	-204.52	54.97
VPB	-139.73	17.44
NVL	-116.86	5.34
QNS	-86.71	18.91
VRE	-85.24	33.38
NLG	-79.21	44.59
HPG	-76.92	24.23
NKG	-69.61	10.67
HAH	-66.09	
Tổng	-1757.64	

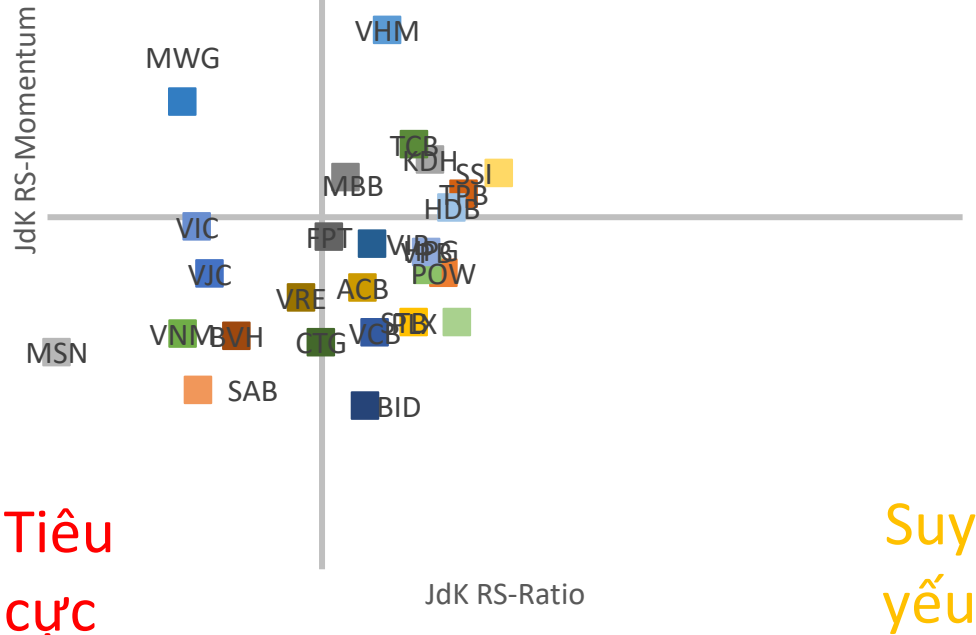
Vận động cổ phiếu VN30

VHM	103.5661	105.3158	26.24%
KDH	105.9129	101.6282	13.95%
BVH	95.33515	96.62169	-10.55%
TPB	107.7473	100.6622	18.39%
MBB	101.2928	101.1261	13.22%
TCB	105.0411	102.065	18.82%
HDB	107.0934	100.2644	8.54%
GVR	105.9844	104.1972	24.34%
SSI	109.6787	101.248	24.23%
PDR	96.04162	134.4176	22.04%
NVL	85.2039	149.7275	27.65%
MWG	92.38735	103.2735	2.00%
POW	106.6437	98.41531	8.76%
PLX	105.0288	97.00963	1.59%
VIB	102.7558	99.24444	10.22%
FPT	100.3939	99.43722	6.35%
BID	102.3727	94.63824	-4.49%
HPG	105.7709	98.49341	2.37%
ACB	102.2252	97.99347	5.23%
VCB	102.883	96.7202	3.83%
VPB	105.7025	99.00635	14.08%
STB	107.3861	97.01591	13.20%
VJC	93.86576	98.39147	-0.31%
VNM	92.39101	96.68544	-14.53%
VRE	98.86174	97.71692	1.88%
CTG	99.9557	96.44397	-2.88%
SAB	93.24013	95.08918	-16.62%
MSN	85.51095	96.15954	-14.64%
VIC	93.17307	99.73285	-3.70%
GAS	91.76756	96.80711	-14.02%

Hồi
phục

CP VN30 vs. VN-Index

Tích
cực



Nguồn: Bloomberg

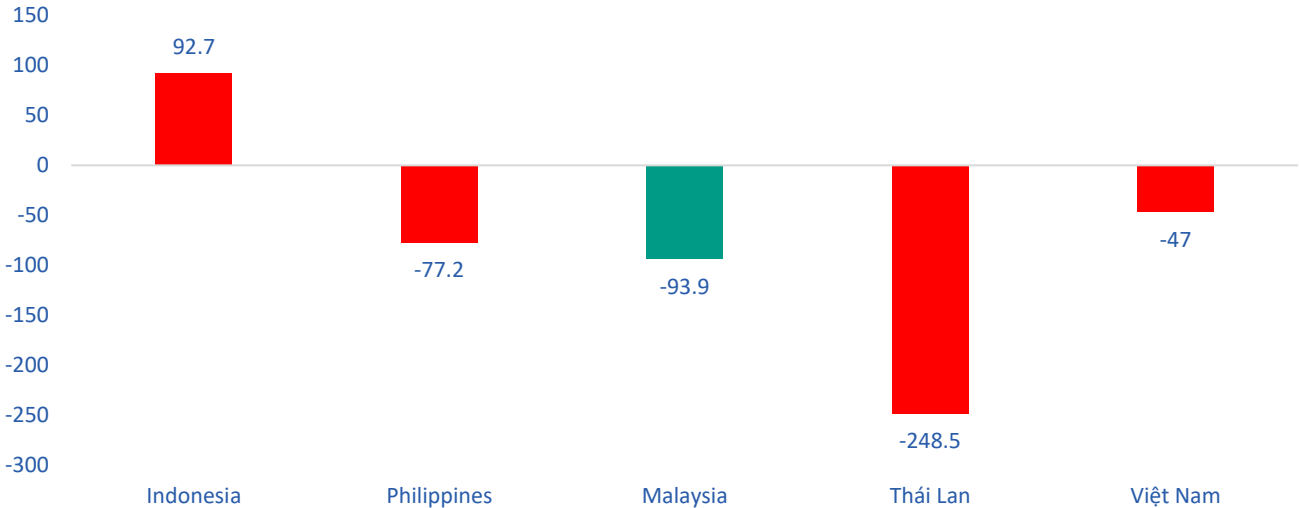
Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	(373.9)	(12.4)	(871.4)	(2,794.0)
Indonesia	92.7	109.5	937.6	1383
Philippines	-77.2	-4.6	-51	-569.3
Malaysia	-93.9	-9	-224.3	-647.2
Thái Lan	-248.5	-95.2	-1293.2	-2938.8
Việt Nam	-47	-13.1	-240.5	-21.7
Các nước	4,498.5	1,065.9	14,381.9	25,339.9
Hàn Quốc	1184.8	309.8	4040.2	9509.8
Đài Loan	1955.8	434.6	3086.8	11056.9
Ấn Độ	1358.3	321.6	7252.8	4770.3
Sri Lanka	-0.4	-0.1	2.1	2.9

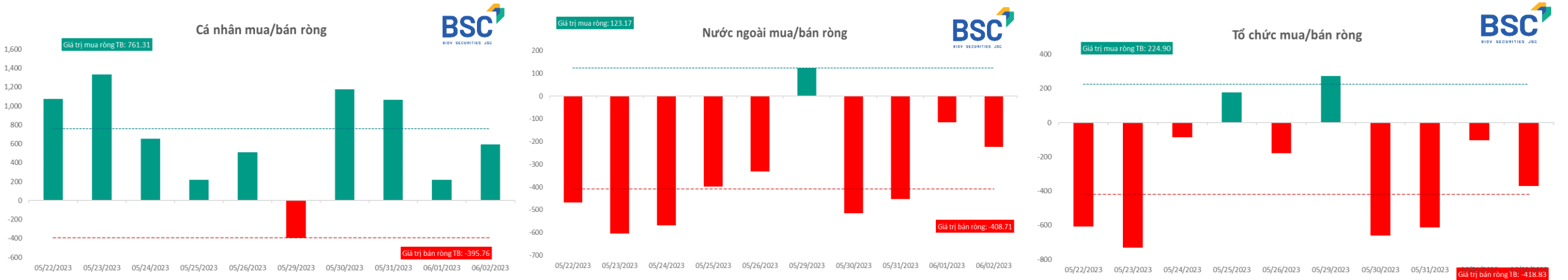


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	Feb-23			Mar-23					Apr-23				May-23					Jun-23	Tổng
	W5	W6	W7	W8	W9	W10	W11	W12	W13	W14	W15	W16	W17	W18	W19	W20	W21	W22	
	65.02	15.39	4.01	(9.31)	(5.97)	7.24	16.43	30.15	16.53	3.86	(5.40)	(0.51)	(30.73)	(31.16)	(16.97)	(5.24)	(14.32)	(8.93)	288.46
ETF ngoại	46.77	15.39	(1.69)	(7.95)	5.38	8.24	24.01	35.68	20.38	4.16	0.89	0.10	(23.28)	(31.16)	(8.27)	-	(2.98)	-	270.10
Fubon	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	17.81	32.21	14.88	(0.94)	0.18	3.86	0.73	0.36	1.10	0.00	0.00	0.00	71.67
VNM	3.11	0.00	0.59	0.00	1.15	4.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(1.85)	(4.82)	(18.46)	(1.20)	(4.26)	0.00	0.00	0.01	63.76
FTSE	4.33	8.90	10.47	0.90	4.23	4.24	-	(3.89)	0.52	-	2.56	1.06	0.77	0.00	0.00	0.00	0.79	0.00	58.17
iShare	39.33	6.49	(12.75)	(8.85)	-	-	6.20	7.36	4.98	5.10	0.00	0.00	(6.32)	(30.32)	(5.11)	0.00	(3.77)	(16.64)	76.50
ETF nội	18.25	-	5.70	(1.36)	(11.35)	(1.00)	(7.58)	(5.53)	(3.85)	(0.30)	(6.29)	(0.61)	(7.45)	-	(8.70)	(5.24)	(11.34)	(8.93)	(7.20)
Diamond	14.87	-	-	-	(5.89)	(1.10)	(2.74)	(3.00)	(3.00)	(0.10)	(6.16)	(0.29)	(5.00)	-	(1.89)	(3.14)	(4.20)	(7.94)	(12.66)
E1	3.38	-	5.70	(1.55)	(4.07)	0.82	(4.06)	(1.10)	0.50	(0.55)	0.08	0.08	(1.51)	-	(6.88)	(2.10)	(6.44)	(0.78)	6.52
Finlead	-	-	-	0.19	(1.39)	(0.72)	(0.78)	(1.43)	(1.35)	0.35	(0.21)	(0.40)	(0.94)	-	0.07	-	(0.70)	(0.21)	(1.06)

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
EIB	13,771,760	265.03	VGC	3,617,000	-146.34	FPT	3,515,600	312.47	EIB	38,973,700	-832.73	ACB	46,749,029	1,167.11	VIC	3,626,458	-190.51
FUEVFNVD	9,165,300	206.86	VCB	530,800	-50.45	VIC	2,705,100	142.12	VNM	3,082,300	-204.50	EIB	23,570,302	535.26	SSI	8,094,140	-190.19
E1VFN30	3,379,600	62.05	VNM	592,000	-38.77	SSI	4,187,000	98.76	VPB	7,096,800	-139.54	VNM	4,668,585	309.16	VJC	1,533,173	-152.17
VIX	5,348,790	53.14	TCB	1,058,102	-32.37	KBC	2,324,200	65.34	NVL	8,707,800	-116.86	VPB	9,270,329	182.55	KBC	2,438,855	-68.34
CTG	1,925,400	47.60	FPT	352,402	-32.19	BID	1,182,800	50.42	VRE	3,127,000	-85.24	NVL	13,195,713	177.33	VHM	1,065,826	-59.81
GEX	1,586,955	25.27	HDG	637,900	-23.05	FRT	768,600	49.80	NLG	2,449,900	-79.21	VGC	3,805,707	153.72	VCI	1,631,481	-57.23
ACB	879,699	22.32	HPG	1,064,082	-22.83	VCB	493,000	47.24	HPG	3,614,400	-76.92	VRE	3,956,267	107.47	VND	3,328,590	-55.38
CRE	2,019,970	18.20	BID	426,100	-20.68	DGW	1,137,500	40.25	NKG	4,531,000	-69.61	HPG	4,644,988	98.77	FRT	834,483	-54.08
DGC	268,400	14.87	MBB	759,760	-14.27	VND	2,123,000	34.91	HAH	1,635,500	-66.10	GAS	965,760	89.50	DGW	1,372,560	-48.73
HT1	650,000	9.77	VND	603,200	-10.07	VCI	786,700	27.76	FUEVFNVD	2,890,800	-65.24	MWG	1,920,701	74.47	DIG	2,047,257	-43.63

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	94.9	1.06%	0.86	19,526.77	3.03	7,311.00	12.98	105,000	23.59%	Link
BID	Ngân hàng	44.7	1.82%	1.01	9,831.13	2.33	4,208.00	10.62	54,578	17.28%	Link
VPB	Ngân hàng	19.85	2.32%	1.15	5,793.79	21.22	3,972.00	5.00	23,685	28.09%	Link
TCB	Ngân hàng	32.2	6.27%	1.38	4,924.13	18.99	14,982.00	2.15		17.64%	Link
MBB	Ngân hàng	19.7	4.79%	1.38	3,883.46	28.00	14,982.00	1.31	24,400	17.64%	Link
STB	Ngân hàng	28.3	1.07%	1.30	2,319.63	22.10	4,640.00	6.10	31,200	30.00%	Link
GVR	BĐS KCN	18.9	0.53%	1.10	3,286.96	2.22	4,603.00	4.11	19,100	23.23%	Link
KBC	BĐS KCN	28.65	0.53%	1.70	956.17	12.27	4,880.00	5.87	29,800	29.17%	Link
IDC	BĐS KCN	42	0.00%	1.72	602.61	5.61			52,400	42.84%	Link
VGC	BĐS KCN	41.5	0.00%	1.65	808.98	5.00	1,217.00	34.10		0.55%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	21.6	0.93%	1.00	5,460.84	17.71	1,916.00	11.27	25,000	23.42%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	53.4	0.75%	0.90	10,109.71	3.15	1,896.00	28.16	68,300	10.63%	Link
VRE	BĐS	27	0.93%	1.16	2,677.38	3.47	5,227.00	5.18	36,200	23.92%	Link
KDH	BĐS	29.4	0.00%	0.40	916.30	2.79	1,576.00	18.65	37,700	32.47%	Link
NLG	BĐS	32.45	-0.15%	1.54	541.89	3.04	2,557.00	12.69	38,100	44.94%	Link
DGC	Phân bón	56.3	3.11%	1.50	929.63	15.06	14,120.00	3.99	60,500	18.41%	Link
DPM	Dầu khí	32.25	2.06%	1.33	548.72	6.07	6,793.00	4.75	42,000	3.01%	Link
DCM	Dầu khí	24.7	2.49%	0.80	568.53	5.11	2,625.00	9.41	29,000	18.11%	Link
GAS	Dầu khí	92	0.00%	0.75	7,655.80	2.30	2,292.00	40.14	122,300	41.13%	Link
PLX	Dầu khí	38.25	2.14%	1.13	2,113.05	1.97	1,340.00	28.54	45,000	20.38%	Link
PVS	Dầu khí	31	1.31%	1.20	644.22	10.59	993.00	31.22	33,000	6.25%	Link
PVD	Dầu khí	24.3	1.67%	1.50	587.30	6.22	7,698.00	3.16	26,000	49.00%	Link
POW	Tiện ích	13.65	0.00%	1.15	1,389.85	3.96	3,895.00	3.50	14,500	55.81%	Link
VNM	Bán lẻ	65.9	-0.30%	1.20	5,988.18	8.51	2,605.00	25.30	84,500	30.59%	Link
MSN	Bán lẻ	72.3	0.70%	1.15	4,475.45	2.94	3,456.00	20.92	96,000	49.00%	Link
MWG	Bán lẻ	40.8	3.82%	1.33	2,595.25	9.90	7,475.00	5.46	55,200	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	73	3.84%	0.75	1,041.04	2.42	2,965.00	24.62	95,000	29.02%	Link
VHC	Thủy sản	58.3	-1.35%	1.21	464.82	2.01	12,800.00	4.55	67,500	30.47%	Link
GMD	Logistics	51.4	0.78%	0.68	673.51	3.74	7,059.00	7.28	57,000	48.84%	Link
FPT	Công nghệ	83.8	0.36%	0.77	4,023.61	2.68	5,901.00	14.20	91,900	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	28.65	2.50%	1.18	5,986.29	11.06	3,520.27	8.14	1.23	27.45%	16.13%
ACB	Ngân hàng	21.8	1.87%	1.06	3,681.40	14.21	3,742.40	5.83	1.35	30.00%	26.25%
HDB	Ngân hàng	19.05	2.42%	0.92	2,083.29	4.03	3,148.88	6.05	1.23	19.67%	22.62%
LPB	Ngân hàng	15	2.04%	1.45	1,127.68	8.58	2,732.22	5.49	1.03	4.34%	19.91%
VIB	Ngân hàng	23.05	6.96%	1.26	2,112.25	21.26	4,162.83	5.54	1.49	20.50%	29.67%
VND	Chứng khoán	18.3	0.55%	1.99	968.98	23.80	489.06	37.42	1.52	20.88%	4.76%
TPB	Ngân hàng	26.3	0.57%	1.08	1,808.70	13.80	4,030.07	6.53	1.24	30.00%	20.89%
SSI	chứng khoán	24.1	2.77%	1.69	1,570.84	28.59	1,119.93	21.52	1.58		7.91%
CII	Xây dựng	18.2	4.00%	1.87	199.58	8.63	217.60	83.64	0.85	10.28%	1.02%
C4G	Xây dựng	13.5	0.75%	2.12	197.85	1.39	790.73	17.07	1.23	0.00%	8.20%
CTD	Xây dựng	63.6	-0.63%	1.87	204.24	1.34	183.95	345.74	0.57	48.47%	0.16%
HHV	Xây dựng	14.7	0.34%	1.77	196.73	5.95	966.26	15.21	0.62	2.74%	3.89%
LCG	Xây dựng	14	1.11%	2.09	112.55	6.22	780.72	17.48	1.02	3.28%	5.90%
BCM	KCN	78	0.39%	0.97	3,510.00	0.23	1,170.44	66.64	4.76	2.80%	8.07%
HUT	KCN	18.2	-1.09%	1.52	275.87	2.82	161.84	112.46	1.63	1.94%	1.44%
PHR	KCN	46.85	-1.37%	1.45	276.01	1.47	6,038.56	7.76	1.81	15.41%	24.10%
SZC	KCN	36.15	-0.14%	1.85	157.17	1.90	1,323.36	27.32	2.34	3.02%	8.95%
HSG	Vật liệu	15.5	1.97%	2.09	403.04	10.41	(1,753.53)		0.89	15.30%	-9.62%
HT1	Vật liệu	15.05	0.33%	1.51	249.69	1.18	386.12	38.98	1.15	3.51%	2.89%
NKG	Vật liệu	15.85	3.26%	2.25	181.43	10.41	(2,585.96)		0.79	11.27%	-11.84%
PTB	Vật liệu	47.2	1.72%	1.04	139.63	0.80	6,016.80	7.84	1.20	13.78%	19.46%
KSB	Vật liệu	27	1.50%	1.72	89.56	3.51	1,392.77	19.39	1.06	3.50%	5.58%
NVL	BĐS	13.85	-0.36%	0.97	1,174.30	14.62	362.35	38.22	0.73	5.46%	1.93%
DXG	BĐS	15.15	0.00%	2.22	401.83	13.85	(239.59)		1.01	19.23%	-1.63%
HDC	BĐS	36.25	-0.82%	1.39	170.35	1.55	3,157.20	11.48	2.09	1.81%	20.89%
DIG	BĐS	21.8	-1.58%	2.53	578.03	21.54	261.72	83.29	1.95	5.49%	2.12%
IJC	BĐS	14.7	0.68%	2.09	160.95	2.20	1,661.89	8.85	0.94	5.95%	11.25%
BSR	Dầu khí	17.2	1.18%	1.50	2,318.63	8.42	4,750.00	3.62	1.04	41.13%	33.16%
PVT	Dầu khí	21.2	0.47%	1.25	298.32	2.36	2,740.01	7.74	1.11	15.14%	15.37%
PLC	Săm lốp	37.3	-0.27%	1.83	131.03	0.71	1,355.49	27.52	2.39	1.11%	8.19%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Tiện ích	22.25	1.60%	1.32	114.92	0.56	2,246.06	9.91	1.41	8.89%	14.36%
REE	Tiện ích	61.4	0.16%	0.84	1,091.07	1.90	6,714.22	9.14	1.58	49.00%	18.57%
GEX	Tiện ích	17.1	3.64%	1.83	633.07	17.72	9.99	1712.40	1.22	11.90%	0.07%
NT2	Tiện ích	32.9	-0.30%	0.80	411.79	0.65	3,244.99	10.14	2.08	16.06%	20.92%
HDG	Tiện ích	36.45	-0.68%	1.54	387.65	1.69	4,718.16	7.73	1.59	21.77%	22.63%
PC1	Tiện ích	29.7	-1.49%	1.34	349.21	3.48	1,257.41	23.62	1.57	8.17%	6.82%
GEG	Tiện ích	16.95	-1.45%	1.12	237.25	1.59	955.97	17.73	1.77	46.47%	5.74%
BCG	Dầu khí	9.57	-2.25%	2.14	221.97	5.73	220.40	43.42	0.77	1.74%	1.50%
SAB	Bán lẻ	158	-0.13%	0.18	4,405.32	0.95	7,649.00	20.66	4.21	62.50%	22.07%
QNS	Bán lẻ	45	0.00%	0.52	698.36	1.37	4,226.00	10.65	1.82	18.92%	17.50%
FRT	Bán lẻ	66	1.69%	1.41	339.96	3.93	1,863.00	35.43	3.90	30.16%	11.52%
DGW	Bán lẻ	37.35	3.18%	1.76	271.31	4.03	3,396.50	11.00	2.46	22.58%	24.73%
DBC	Bán lẻ	20	1.02%	2.01	208.33	7.82	(1,339.12)		1.11	6.02%	-7.20%
PET	Bán lẻ	27	3.05%	2.31	116.01	1.27	1,025.57	26.33			4.26%
BAF	Bán lẻ	24.05	1.05%		150.07	2.91	1,408.62	17.07	1.83	0.20%	11.80%
ANV	Thủy sản	33.6	-0.74%	1.64	194.48	2.56	4,368.00	7.69	1.47	5.81%	20.07%
VSC	Logistics	29.2	0.00%	0.44	153.96	0.57	2,086.56	13.99	1.34	3.02%	9.43%
HAH	Logistics	40.05	-0.37%	1.11	122.49	3.59	9,072.47	4.41	1.18	7.95%	34.36%
CTR	Công nghệ	73.5	0.96%	1.35	365.54	0.55	4,040.07	18.19	4.80	10.68%	29.32%
TNG	Dệt may	19.9	0.00%	1.71	90.95	1.90	2,878.54	6.91	1.28	15.80%	19.35%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisititc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

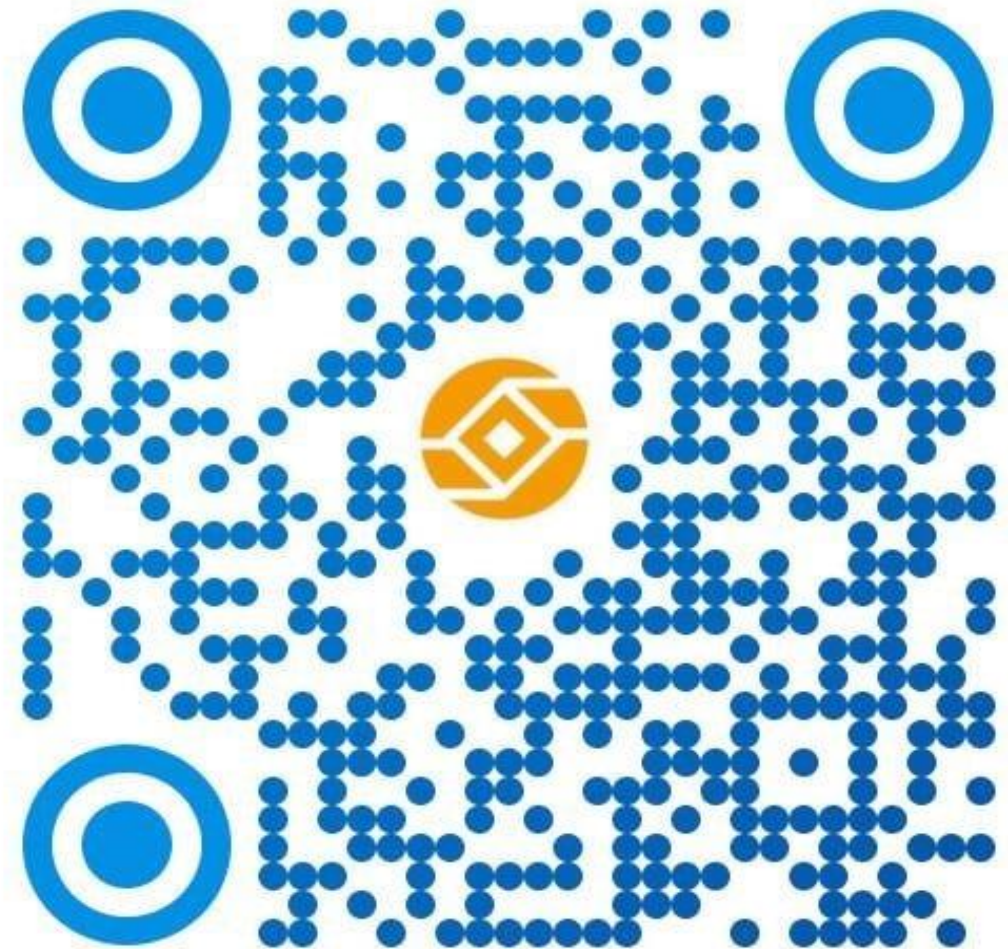
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký